TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHIÊM HÓA** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 25-02-2022
V/v *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phúc An Hoành,

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Xuân Tuyến,

2. Ông Hà Quang Phượng.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Bàn Thị Bích Duyên, Thư ký Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Chu Thị Hoa, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 234/2021/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2021 về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phan Văn K, sinh năm 1987; Địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện C, tỉnh T, *vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

2. Bị đơn: Chị Đinh Thị N, sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện C, tỉnh T, *vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Phan Văn K trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đinh Thị N tự quen biết nhau và được sự đồng ý của gia đình đã đi đến hôn nhân, lễ cưới được tổ chức vào cuối năm 2014 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện C, tỉnh T ngày 20/11/2014. Thời gian đầu sống hạnh phúc nhưng khoảng vào năm 2015 thì chị N bỏ về nhà cha mẹ ruột sống mà anh không hiểu lý do, cuộc sống hôn nhân giữa hai vợ chồng

không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa. Anh và chị N sống ly thân kể từ năm 2015 đến nay. Nay anh đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với chị Đinh Thị N.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống anh và chị N có 01 người con chung tên là Phan Hoàng Chấn L, sinh ngày 18/10/2014. Hiện nay cháu L đang sinh sống cùng chị N. Nay ly hôn, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho cháu được quyền tự quyết định sống chung với cha hoặc mẹ. Nếu cháu sống chung với anh thì anh sẽ nuôi con và anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Nếu cháu có nguyện vọng sống chung với chị N thì chị N nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại biên bản lấy lời khai bị đơn Đinh Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phan Văn K qua tự nguyện tìm hiểu đã chung sống như vợ chồng và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã N, huyện C, tỉnh T vào ngày 20/11/2014. Chị và anh K được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống và làm việc tại tỉnh B, những ngày nghỉ lễ tết chị và anh K có đi lại về nghỉ tại tỉnh T và tỉnh Q. Cuộc sống vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng không có tiếng nói chung, nên không muốn chung sống với nhau. Vợ chồng chị sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Chị và anh K không còn quan hệ về kinh tế với nhau. Nay anh K xin ly hôn, chị nhất trí ly hôn, vì xác định tình cảm vợ chồng không còn.

- Về con chung: Chị và anh K có 01 con chung là Phan Hoàng Chấn L, sinh ngày 18/10/2014. Nay ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu L và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn anh Phan Văn K trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với chị Đinh Thị N, về con chung anh nhất trí để chị N nuôi dưỡng cháu L và không cấp dưỡng nuôi con chung, về tài sản chung và nợ chung không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt bị đơn chị Đinh Thị N trình bày: Chị nhất trí ly hôn với anh K và có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu L, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định. Về việc giải quyết vụ

án, áp dụng các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, các Điều 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* của anh Phan Văn K. Cho anh Phan Văn K được ly hôn với chị Đinh Thị N.

- Về con chung: Giao cháu Phan Hoàng Chấn L, sinh ngày 18/10/2014 cho chị Đinh Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Phan Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Phan Văn K không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy không xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Anh Phan Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn) theo quy định. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng.

Anh Phan Văn K khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang giải quyết ly hôn với chị Đinh Thị N; chị Đinh Thị N có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã V, huyện C, tỉnh T. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"* và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Phan Văn K và chị Đinh Thị N đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Văn K và chị Đinh Thị N có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình; có đăng ký kết hôn vào ngày 20/11/2014 tại UBND xã N, huyện C, tỉnh T nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn. Anh K và chị N đều xác định tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống với nhau và đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay.

Chị N xác định tình cảm vợ chồng đối với anh K không còn, nhất trí ly hôn với anh K. Như vậy, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình thì tình trạng hôn nhân của anh K, chị N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan Văn K, xử cho anh K được ly hôn với chị Đinh Thị N.

[2.2] Về con chung: Anh Phan Văn K và chị Đinh Thị N có 01 con chung là cháu Phan Hoàng Chấn L, sinh ngày 18/10/2014. Chị N có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu L và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung. Tại đơn xin xét xử vắng mặt anh K nhất trí cho chị N nuôi dưỡng cháu L. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu L cho chị Đinh Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp có sự thay đổi về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ảnh hưởng đến quyền lợi về mọi mặt của con và các bên đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Phan Văn K không đề nghị Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Anh Phan Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn); các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* của anh Phan Văn K.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phan Văn K được ly hôn với chị Đinh Thị N.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Hoàng Chấn L, sinh ngày 18/10/2014 cho chị Đinh Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Phan Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng

việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn): Anh Phan Văn K phải chịu 300.000 đồng. Chị Đinh Thị N không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Phan Văn K và chị Đinh Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- UBND xã N, huyện C, tỉnh T (nơi ĐKKH);
- Chi cục THADS huyện Chiêm Hóa;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(*Đã ký*)

Phúc An Hoành